ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BẮC TIÊN HƯNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33/TB-UBND	*Bắc Tiên Hưng, ngày 20 tháng 04 năm 2026*

THÔNG BÁO
Danh mục mức thu phí, lệ phí các TTHC áp dụng tại cấp xã

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13; Nghị định 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. Thông tư 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

Căn cứ Nghị quyết số: 715/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Nghị quyết số: 01/2026/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Ủy ban nhân dân xã Bắc Tiên Hưng thông báo công khai Danh mục mức thu phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính áp dụng tại cấp xã, cụ thể theo Danh mục kèm theo Thông báo này.

Danh mục mức thu phí, lệ phí các TTHC trên được công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Bắc Tiên Hưng, Trang thông tin điện tử của xã và các hệ thống công khai TTHC theo quy định để tổ chức, cá nhân biết, thực hiện. Việc thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Ủy ban nhân dân xã Bắc Tiên Hưng thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

Nơi nhận:
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND xã;
- Phòng chuyên môn thuộc xã;
- Lưu: VT, HCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Vi Phú

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ BẮC TIÊN HƯNG

DANH MỤC
MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ÁP DỤNG TẠI CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13; Nghị định 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. Thông tư 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

Căn cứ Nghị quyết số: 715/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Nghị quyết số: 01/2026/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định mức thu, miễn, giảm, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Mức thu	
I	**Phí lĩnh vực chứng thực:**	**Phí**	**Lệ phí**
1	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	2.000 đồng/trang. Từ trang thứ ba trở lên thu 1.000 đồng/trang, nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính	
2	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	10.000 đồng/trường hợp. Trường hợp được hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong cùng một giấy tờ, văn bản	

3	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
4	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thì không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản.
5	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
6	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
7	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	
II	**Lệ phí Lĩnh vực hộ tịch:** ***Miễn lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch năm 2014 đối với những trường hợp: đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật; đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước. Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình***		
1	Thủ tục đăng ký khai sinh đúng hạn		0 đồng
2	Thủ tục đăng ký lại khai sinh, thủ tục đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		10.000 đồng

3	Thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân có yếu tố nước ngoài		100.000 đồng
4	Thủ tục đăng ký khai tử đúng hạn		0 đồng
5	Thủ tục đăng ký lại khai tử, đăng ký khai tử không đúng hạn		10.000 đồng
6	Thủ tục đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài		100.000 đồng
7	Thủ tục đăng ký kết hôn		0 đồng
8	Thủ tục đăng ký lại kết hôn		30.000 đồng
9	Thủ tục đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài		1.500.000 đồng
10	Thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		20.000 đồng
11	Thủ tục đăng ký giám hộ, đăng ký chấm dứt giám hộ, đăng ký giám sát việc giám hộ, đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ		0 đồng
12	Thủ tục đăng ký giám hộ, đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài		60.000 đồng
13	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc		20.000 đồng
14	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài		30.000 đồng
15	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con		20.000 đồng
16	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		1.500.000 đồng
17	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		100.000 đồng
18	Thủ tục đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước		400.000 đồng

19	Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao giấy khai sinh		8.000 đồng/bản
20	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch		8.000 đồng/văn bản
III	**Lệ phí đăng ký kinh doanh:** ***Miễn thu theo Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình***		**50.000 đồng/lần cấp**
IV	**Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất:** ***Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình***		
1	**Cấp giấy chứng nhận lần đầu**		
1.1	Cá nhân, hộ gia đình		25.000 đồng
1.2	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo		100.000 đồng
2	**Cấp đổi, cấp lại, đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới giấy chứng nhận hoặc chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp (không bao gồm trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm)**		
2.1	Cá nhân, hộ gia đình		20.000 đồng
2.2	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo		50.000 đồng
V	**Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai: Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.**		
1	Trường hợp khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai	Thực hiện thu phí theo quy định tại Thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ	

		thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.	
2	Trường hợp khai thác và sử dụng tài liệu đất đai chưa có trong Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai	100.000 (không bao gồm chi phí in ấn, phô tô tài liệu (nếu có))	
VI	**Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.**		
1	Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu		
1.1	Hộ gia đình, cá nhân	200.000 đồng/ giấy chứng nhận	
1.2	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	500.000 đồng/ giấy chứng nhận	
2	Phí thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận		
2.1	Hộ gia đình, cá nhân	400.000 đồng/ giấy chứng nhận	
2.2	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	600.000 đồng/ giấy chứng nhận	
3	**Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; đính chính giấy chứng nhận đã cấp có sai sót do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:** ***Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.***		
3.1	Hộ gia đình, cá nhân	500.000 đồng/ giấy chứng nhận	
3.2	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo	1.500.000 đồng/ giấy chứng nhận	
VII	**Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất:** ***Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.***	**50.000 đồng/ giấy chứng nhận**	

VIII	**Phí đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bao gồm đăng ký biện pháp bảo đảm, đăng ký văn bản thông báo về xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi nội dung về biện pháp bảo đảm đã đăng ký, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm):** ***Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.***		
1	Hộ gia đình, cá nhân	300.000 đồng/giấy chứng nhận	
2	Tổ chức	500.000 đồng/ giấy chứng nhận	
IX	**Lệ phí cấp giấy phép xây dựng:** ***Miễn lệ phí theo Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình***		
1	Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ		80.000 đồng/ giấy phép
2	Giấy phép xây dựng đối với công trình khác		160.000 đồng/ giấy phép
3	Gia hạn giấy phép xây dựng		20.000 đồng/ giấy phép
X	**Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam:** ***Miễn lệ phí theo Nghị quyết số 715/2025/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh Hưng Yên quy định mức thu 0 đồng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình***		
1	Cấp mới giấy phép lao động		600.000 đồng/ giấy phép
2	Cấp lại giấy phép lao động		450.000 đồng/ giấy phép
3	Gia hạn giấy phép lao động		450.000 đồng/ giấy phép